

Phân tích danh mục thuốc đã sử dụng tại Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội năm 2023

Analysis of the drug utilization formulary at the National Odonto-Stomatology Hospital, Hanoi in 2023

Nguyễn Bích Hương¹, Nguyễn Gia Bảo²,
Nguyễn Thị Phương Thúy^{2*}

¹Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội,
²Trường Đại học Dược Hà Nội

Tóm tắt

Mục tiêu: Phân tích cơ cấu danh mục thuốc đã sử dụng tại Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội năm 2023. **Đối tượng và phương pháp:** Thiết kế nghiên cứu mô tả, thu thập số liệu hồi cứu các thuốc đã sử dụng trong thời gian 1/1/2023 đến 31/12/2023 tại Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội. **Kết quả và kết luận:** Bệnh viện đã sử dụng 100% thuốc hóa dược, sinh phẩm, không sử dụng thuốc cổ truyền, dược liệu. Có 163 khoản mục thuốc với 19 nhóm tác dụng điều trị. Trong đó, nhóm thuốc gây tê, gây mê, giãn cơ, giải giãn cơ có giá trị sử dụng nhiều nhất (46,09%). Thuốc nhập khẩu chiếm tỷ lệ cao về giá trị sử dụng (77,82%); thuốc biệt dược gốc chỉ chiếm 14,8% tổng giá trị sử dụng. Thuốc đơn thành phần được sử dụng phổ biến (90,18% số khoản mục); thuốc đường tiêm truyền được sử dụng chủ yếu (79,86%). Đáng chú ý, các thuốc sử dụng được mua chủ yếu qua đấu thầu cấp bệnh viện (61,89%), riêng nhóm thuốc chống nhiễm khuẩn (nhóm A) được mua 100% qua đấu thầu tập trung, đàm phán giá. Số khoản mục thuốc nhóm A, nhóm B, nhóm C lần lượt là 11,66%, 17,18% và 71,17%, nhóm thuốc tối cần V, thuốc thiết yếu E chiếm chủ đạo về giá trị sử dụng (99,95%); không có thuốc AN, BN theo ma trận ABC/VEN.

Từ khóa: Danh mục thuốc, bệnh viện răng hàm mặt, đấu thầu.

Summary

Objective: To analyze the composition of the drug formulary used at the National Hospital of Odonto-Stomatology, Hanoi in 2023. **Subject and method:** A retrospective description of the list of drugs used at the hospital from January 1, 2023 to December 31, 2023. **Result and conclusion:** The hospital utilized 100% chemical pharmaceuticals and biologicals, with no traditional or herbal medicines. There were 163 drugs used with nineteen therapeutic groups; anesthetics, sedatives, muscle relaxants and neuromuscular blockers accounted for 46.09% of total utilization value. Imported drugs comprised 77.82% of utilization value, while originator brand-names drugs accounted for 14.80% in value. Single-component drugs dominated (90.18% in quantity, and parenteral administration was the principal route (79.86%). The drugs used were purchased mainly through hospital-level bidding (61.89%) in value, with all Group A anti-infective agents (100%) sourced through centralized tender and price negotiation. Groups of A, B, C drug accounted for the corresponding proportions of quantity: 11.66%, 17.18% and

Ngày nhận bài: 31/7/2025, ngày chấp nhận đăng: 17/10/2025

* Tác giả liên hệ: thuy_ntp@hup.edu.vn - Trường Đại học Dược Hà Nội

71.17%, respectively; VEN analysis showed vital and essential drugs constituted 99.95% of utilization value, with no AN or BN agents according to the ABC/VEN matrix.

Keywords: List of drugs, National Odonto-stomatology hospital, Hanoi, bidding.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thuốc là một loại hàng hóa đặc biệt, tác động đến sức khỏe, tính mạng con người, đóng vai trò quan trọng trong công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe người dân. Nhằm quản lý sử dụng thuốc hiệu quả tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, Bộ Y tế đã quy định Hội đồng Thuốc và điều trị bệnh viện cần phân tích sử dụng thuốc hàng năm¹. Với bối cảnh hiện nay khi nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân tăng lên, mô hình bệnh tật ngày càng phức tạp, tình hình kháng thuốc kháng sinh đang gia tăng nhanh, việc cung ứng thuốc kịp thời, sử dụng thuốc đảm bảo an toàn hợp lý được các bệnh viện rất quan tâm⁶. Thực trạng nghiên cứu tại một số bệnh viện cho thấy tỷ lệ thuốc nhập khẩu trong cơ cấu thuốc sử dụng tại một số bệnh viện chuyên khoa tuyến Trung ương còn khá cao, dao động từ 89,58% - 94,56% tổng giá trị thuốc sử dụng³⁻⁵. Tuy nhiên, việc xem xét danh mục thuốc đã sử dụng được mua qua các cấp đấu thầu còn thiếu thông tin. Chính vì vậy, phân tích danh mục thuốc đã sử dụng tại bệnh viện là cần thiết để từ đó có thể cung cấp thông tin khoa học cho việc xây dựng danh mục thuốc bệnh viện ngày càng sát hơn với nhu cầu thực tế.

Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội là bệnh viện chuyên khoa hạng I trực thuộc Bộ Y tế và là tuyến cuối trong điều trị, chăm sóc sức khỏe, bệnh lý Răng - Hàm - Mặt. Nhiệm vụ cung ứng thuốc đầy đủ, đảm bảo chất lượng đáp ứng yêu cầu điều trị là ưu tiên hàng đầu của khoa dược. Với mô hình bệnh tật chuyên khoa về răng hàm mặt, việc cung ứng các thuốc phục vụ điều trị các bệnh chuyên khoa cũng có đặc thù riêng. Tuy nhiên, theo rà soát y văn từ trước đến nay chưa có nghiên cứu nào công bố về phân tích danh mục thuốc đã sử dụng tại bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội, một bệnh viện chuyên khoa tuyến Trung ương. Do đó nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu: *Phân tích cơ cấu danh mục thuốc đã sử dụng tại Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội năm 2023.*

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

2.1. Đối tượng

Các thuốc đã sử dụng tại Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023.

2.2. phương pháp

Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang.

Mẫu nghiên cứu: Toàn bộ thuốc đã sử dụng tại bệnh viện tại Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội từ 01/01/2023 đến 31/12/2023.

Phương pháp thu thập số liệu: Sử dụng kỹ thuật hồi cứu số liệu, thu thập thông tin từ nguồn tài liệu sẵn có bao gồm Danh mục thuốc sử dụng tại bệnh viện năm 2023 được Giám đốc phê duyệt ban hành; báo cáo xuất nhập tồn; danh mục thuốc thuốc trúng thầu để sử dụng tại bệnh viện năm 2023 bao gồm kết quả đấu thầu tập trung cấp quốc gia, đàm phán giá, tập trung cấp địa phương, thầu riêng tại bệnh viện được kết xuất từ phần mềm quản lý bệnh viện và tài liệu lưu trữ tại khoa Dược; bảng phân loại VEN được Hội đồng thuốc điều trị bệnh viện thông qua vào năm 2022. Sau đó các thông tin được mã hóa, nhập vào biểu mẫu thu thập dưới dạng tập tin điện tử phần mềm Microsoft Excel.

Phân tích số liệu: Số liệu được làm sạch và xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel. Sử dụng phương pháp phân tích thống kê mô tả, phương pháp phân tích ABC, VEN và ma trận ABC/VEN.

III. KẾT QUẢ

3.1. Cơ cấu danh mục thuốc đã sử dụng

Năm 2023, bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội sử dụng thuốc hóa dược, sinh phẩm với 163 khoản mục và tổng kinh phí 5.649.439.690 đồng. Bệnh viện không sử dụng các thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu. Cơ cấu thuốc đã sử dụng theo nhóm tác dụng điều trị như sau:

Bảng 1. Cơ cấu thuốc đã sử dụng theo nhóm tác dụng điều trị

STT	Nhóm thuốc	Số khoản mục		Giá trị sử dụng	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ %
1	Thuốc gây tê, gây mê, thuốc giãn cơ, giải giãn cơ	28	17,18	2.603.789.480	46,09
2	Thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn	27	16,56	1.610.985.334	28,52
3	Dung dịch điều chỉnh nước, điện giải, cân bằng acid - base và các dung dịch tiêm truyền khác	24	14,72	545.542.292	9,66
4	Hocmon và các thuốc tác động vào hệ thống nội tiết	14	8,59	414.985.449	7,35
5	Thuốc giảm đau, hạ sốt; chống viêm không steroid, thuốc điều trị các bệnh gut và các bệnh xương khớp	19	11,66	267.645.052	4,74
6	Thuốc tẩy trùng và sát khuẩn	06	3,68	68.858.606	1,22
7	Thuốc đường tiêu hóa	06	3,68	58.933.590	1,04
8	Thuốc tác dụng đối với máu	08	4,91	21.724.750	0,38
9	Thuốc giải độc và các thuốc dùng trong trường hợp ngộ độc	04	2,45	19.854.000	0,35
10	Thuốc tim mạch	05	3,07	13.407.000	0,24
11	Huyết thanh và Globulin miễn dịch	02	1,23	9.843.498	0,17
12	Thuốc dùng chẩn đoán	02	1,23	7.655.300	0,13
13	Thuốc tác dụng trên đường hô hấp	03	1,84	2.067.994	0,04
14	Thuốc điều trị bệnh da liễu	02	1,23	2.089.458	0,04
15	5 nhóm khác	13	7,97	2.057.887	0,03
	Tổng	163	100,00	5.649.439.690	100,00

Kết quả nghiên cứu cho thấy năm 2023, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội sử dụng các thuốc thuộc 19 nhóm tác dụng điều trị, trong đó thuốc gây tê, gây mê, thuốc giãn cơ, giải giãn cơ được sử dụng nhiều nhất về số khoản mục (17,18%) và giá trị sử dụng (46,09%). Tỷ lệ về giá trị của nhóm này vượt trội so với các nhóm khác. Đứng thứ hai về giá trị là nhóm thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn (28,52%).

3.2. Cơ cấu thuốc đã sử dụng theo đặc điểm của thuốc

Bảng 2. Cơ cấu thuốc đã sử dụng theo đặc điểm của thuốc

STT	Nhóm thuốc	Số khoản mục		Giá trị sử dụng	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ %
Cơ cấu thuốc đã sử dụng theo nguồn gốc, xuất xứ					
1	Thuốc sản xuất trong nước	77	47,24	1.253.166.310	22,18
2	Thuốc nhập khẩu	86	52,76	4.396.273.381	77,82

STT	Nhóm thuốc	Số khoản mục		Giá trị sử dụng	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ %
Cơ cấu thuốc biệt dược gốc, thuốc generic					
1	Thuốc biệt dược gốc	20	12,27	836.242.868	14,80
2	Thuốc generic	143	87,73	4.813.196.823	85,20
Cơ cấu thuốc đơn thành phần, đa thành phần					
1	Thuốc đơn thành phần	147	90,18	4.025.453.943	71,25
2	Thuốc đa thành phần	16	9,82	1.623.985.747	28,75
Cơ cấu thuốc theo đường dùng					
1	Đường tiêm	114	69,94	4.511.852.984	79,86
2	Đường hô hấp	07	4,29	1.001.188.037	17,72
3	Đường uống	25	15,34	35.529.411	0,63
4	Đường dùng khác	17	10,43	100.869.258	1,79
	Tổng	163	100,00	5.649.439.690	100,00

Tại bệnh viện, thuốc sản xuất trong nước được sử dụng với tỷ lệ 47,24% về khoản mục với giá trị sử dụng chỉ đạt 22,18%. Thuốc nhập khẩu có tỷ lệ số khoản mục (52,76%) chênh lệch không đáng kể với thuốc sản xuất trong nước nhưng tỷ lệ giá trị sử dụng (77,82%) lớn hơn nhiều lần so với thuốc sản xuất trong nước.

Thuốc biệt dược gốc có giá trị sử dụng chỉ 14,8%. Thuốc generic được dùng chủ đạo về số khoản mục (87,73%) và giá trị sử dụng (85,2%).

Thuốc đơn thành phần được dùng chủ yếu tại bệnh viện với tỷ lệ số khoản mục là 90,18% và 71,25% giá trị sử dụng.

Thuốc theo đường tiêm truyền được sử dụng nhiều nhất (69,94% số khoản mục; 79,86% về giá trị). Đáng lưu ý, thuốc dùng theo đường hô hấp có giá trị sử dụng xếp thứ hai (17,72%).

3.3. Cơ cấu thuốc đã sử dụng được mua thông qua các cấp đấu thầu

Bảng 3. Cơ cấu thuốc sử dụng được mua thông qua các đấu thầu

STT	Nhóm thuốc được mua thông qua các cấp đấu thầu	Số khoản mục		Giá trị sử dụng	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ %
1	Thầu bệnh viện	113	69,33	3.496.622.020	61,89
2	Thầu tập trung cấp quốc gia và đàm phán giá	10	6,13	1.232.571.467	21,82
3	Thầu tập trung cấp địa phương	40	24,54	920.246.203	16,29
	Tổng	163	100,00	5.649.439.690	100,00

Kết quả nghiên cứu cho thấy thuốc đã sử dụng được mua qua đấu thầu cấp bệnh viện có tỷ lệ giá trị sử dụng cao nhất (61,89%); Thuốc được mua qua đấu thầu tập trung cấp quốc gia và đàm phán giá là 10 khoản mục có tỷ lệ giá trị sử dụng xếp thứ hai (21,82%).

3.4. Cơ cấu thuốc theo phân tích ABC, VEN và ma trận ABC/VEN**Bảng 4. Cơ cấu thuốc sử dụng theo phân hạng ABC**

STT	Hạng	Giá trị sử dụng		Số khoản mục	
		Giá trị (đồng)	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Nhóm thuốc hạng A	4.519.631.472	80,00	19	11,66
2	Nhóm thuốc hạng B	846.765.777	14,99	28	17,18
3	Nhóm thuốc hạng C	283.042.442	5,01	116	71,17
	Tổng	5.649.439.690	100,00	163	100,00

Nhóm thuốc hạng A chiếm 11,66% số khoản mục; thuốc hạng B chiếm 17,18% về số khoản mục; Thuốc hạng C chỉ có tỷ lệ 5,01% GTSD nhưng chiếm 71,17% về số khoản mục thuốc.

3.5. Cơ cấu thuốc gây tê, gây mê, giãn cơ, giải giãn cơ hạng A**Bảng 5. Các thuốc gây tê, gây mê, thuốc giãn cơ, giải giãn cơ hạng A**

STT	Nhóm thuốc/ hoạt chất	Nguồn gốc	Cấp đầu thầu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Thuốc gây tê, gây mê đường tiêm			1.243.126.839	52,87
1.1	Lidocain + adrenalin (N1)	Nhập khẩu	Bệnh viện	951.123.138	40,45
1.2	Articain hydroclorid + adrenaline (N1)	Nhập khẩu	Bệnh viện	189.819.501	8,07
1.3	Propofol (N1)	Nhập khẩu	Bệnh viện	102.184.200	4,35
2	Thuốc gây mê đường hô hấp			952.357.050	40,50
2.1	Sevofluran (N1)	Nhập khẩu	Bệnh viện	592.226.250	25,19
2.2	Sevofluran (BDG)	Nhập khẩu	Bệnh viện	279.130.800	11,87
2.3	Desflurane (N1)	Nhập khẩu	Bệnh viện	81.000.000	3,44
3	Thuốc giãn cơ			155.914.500	6,63
3.1	Rocuronium bromid (N1)	Nhập khẩu	Bệnh viện	155.914.500	6,63
	Tổng			2.351.398.389	100,00

Toàn bộ các thuốc gây tê, gây mê, giãn cơ, giải giãn cơ hạng A là thuốc nhập khẩu và được mua thông qua đầu thầu bệnh viện.

3.6. Cơ cấu thuốc chống nhiễm khuẩn hạng A**Bảng 6. Các thuốc chống nhiễm khuẩn hạng A**

STT	Nhóm thuốc/ hoạt chất	Xuất xứ	Cấp đầu thầu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ %
1	Nhóm beta - lactam			1.127.267.447	81,67
1.1	Ceftazidim 1g (N1)	Trong nước	Tập trung quốc gia	608.296.500	44,07
1.2	Ceftriaxon 1g (N1)	Nhập khẩu	Tập trung quốc gia	287.808.675	20,85
1.3	Imipenem + Cilastatin 500mg+ 500mg (BDG)	Nhập khẩu	Đàm phán giá	143.457.200	10,39
1.4	Cefazolin 1g (N2)	Trong nước	Tập trung địa phương	87.705.072	6,35

STT	Nhóm thuốc/ hoạt chất	Xuất xứ	Cấp đầu thầu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ %
2	Nhóm quinolon			167.096.320	12,11
2.1	Ciprofloxacin 200mg/100ml (BDG)	Nhập khẩu	Tập trung địa phương	167.096.320	12,11
3	Nhóm nitroimidazol			85.914.000	6,22
3.1	Metronidazol (500mg/100ml) (N1)	Nhập khẩu	Tập trung địa phương	85.914.000	6,22
	Tổng			1.380.277.767	100,00

Kết quả nghiên cứu cho thấy trong các thuốc chống nhiễm khuẩn hạng A: Thuốc kháng sinh nhóm beta-lactam có tỷ lệ giá trị sử dụng cao nhất (81,67%). Các thuốc đều được mua thông qua đầu thầu tập trung, đảm bảo phân giá. Kháng sinh được sử dụng nhiều nhất là ceftazidim 1g (44,07%) là thuốc được sản xuất trong nước.

Bảng 7. Cơ cấu thuốc sử dụng theo ma trận ABC/VEN

Nhóm thuốc		Số khoản mục		Giá trị sử dụng	
		Số lượng	Tỷ lệ	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
Nhóm A	V	10	6,13	2.611.494.204	46,23
	E	09	5,52	1.908.137.268	33,78
	N	00	0,00	00	0,00
Nhóm B	V	14	8,59	462.220.871	8,18
	E	14	8,59	384.544.906	6,81
	N	00	0,00	00	0,00
Nhóm C	V	48	29,45	122.204.308	2,16
	E	61	37,42	158.047.701	2,80
	N	07	4,29	2.790.433	0,05

Kết quả phân tích VEN cho thấy nhóm thuốc V có tỷ lệ giá trị sử dụng cao nhất (56,57%). Nhóm E có tỷ lệ số khoản mục cao nhất (51,53%). Nhóm N thấp nhất cả về tỷ lệ số khoản mục (4,28%) và tỷ lệ giá trị sử dụng (0,05%).

Phân tích theo ma trận ABC/VEN cho thấy Danh mục thuốc sử dụng tại bệnh viện năm 2023 không có thuốc AN, BN.

IV. BÀN LUẬN

Nghiên cứu tại Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội cho thấy thuốc chuyên khoa, đặc biệt nhóm gây tê - gây mê và giãn cơ, chiếm tỷ trọng giá trị rất lớn (46,09%), phù hợp với đặc thù ngoại khoa. Tỷ lệ giá trị sử dụng thuốc nhập khẩu tại Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội đạt 77,82%,

tương đồng với tỷ lệ mức 77,74% ghi nhận ở Bệnh viện Trung ương Quân đội 108. Điều này cho thấy sự phụ thuộc vào nguồn cung ứng thuốc có công thức và dạng bào chế đặc thù (nhóm thuốc gây tê, gây mê, thuốc giãn cơ, giải giãn cơ là nhóm thuốc chuyên khoa, thuốc có dạng bào chế đặc biệt đối với Bệnh viện Răng Hàm Mặt) và (nhóm thuốc ung thư và điều hòa miễn dịch (cũng là các thuốc chuyên biệt) đối với Bệnh viện Trung ương Quân đội 108) chưa được sản xuất trong nước¹⁰.

Chi tiêu cho nhóm kháng sinh của Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội chiếm 28,52% tổng ngân sách thuốc, vượt so với mức trung bình 24,7% tại các bệnh viện công toàn quốc giai đoạn 2018-2022¹¹. Sự chênh lệch gần 4 điểm phần trăm so với mặt bằng chung cho thấy Bệnh viện Răng

Hàm Mặt có thể có tần suất kê kháng sinh dự phòng và điều trị sau phẫu thuật cao hơn các bệnh viện công. Đặc thù chăm sóc bệnh nhân ngoại khoa, nhất là các thủ thuật răng-hàm-mặt, thường yêu cầu sử dụng kháng sinh dự phòng để giảm nguy cơ nhiễm trùng vết mổ và biến chứng, từ đó làm gia tăng tổng mức chi cho nhóm thuốc này. Tỷ trọng chi tiêu kháng sinh cao cũng đặt ra áp lực quản lý danh mục thuốc, làm sao duy trì tỷ lệ dự phòng hợp lý mà không kéo theo tình trạng kê đơn vượt mức cần thiết tránh tình trạng lạm dụng thuốc, tiết kiệm chi phí.

Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội đã thực hiện tốt việc đảm bảo tỷ lệ thuốc biệt dược gốc dưới 30% tổng giá trị thuốc sử dụng tại bệnh viện như ý kiến của Bảo hiểm xã hội Việt Nam thống nhất với Bộ Y tế⁷.

Cơ cấu thuốc đã sử dụng tại bệnh viện theo đường tiêm chiếm tỷ lệ cao nhất cả về số khoản mục lẫn giá trị sử dụng do người bệnh đến điều trị tại bệnh viện đường miệng bị tổn thương không thuận tiện trong sử dụng thuốc đường uống. Thuốc dùng theo đường hô hấp chiếm tỷ lệ giá trị sử dụng nhiều nhất xếp thứ hai là các thuốc gây mê dạng bốc hơi để gây mê cho người bệnh trong quá trình phẫu thuật, người bệnh cần hít thuốc vào qua đường hô hấp để có tác dụng gây mê.

Đáng lưu ý, danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp quốc gia và cấp địa phương do Bộ Y tế ban hành không có các thuốc gây tê dùng trong nha khoa, thuốc gây mê; thuốc giãn cơ, giải giãn cơ. Đây lại là các thuốc chuyên khoa và được sử dụng nhiều nhất tại bệnh viện. Do đó tỷ lệ thuốc được mua thông qua đấu thầu tập trung chỉ chiếm 38,11% giá trị sử dụng, còn lại là được mua thông qua đấu thầu cấp bệnh viện (61,89%)⁸.

Qua khảo sát toàn bộ danh mục thuốc sử dụng tại bệnh viện năm 2023 cho thấy nhóm thuốc giãn cơ là nhóm thuốc chuyên khoa, sử dụng trong quá trình gây mê, phẫu thuật nhưng bệnh viện chỉ sử dụng 01 thuốc rocuronium 50mg/5ml nhóm 1. Việc chỉ sử dụng 01 thuốc duy nhất có tác dụng giãn cơ tiềm ẩn rủi ro gián đoạn nguồn cung ứng thuốc hoặc thuốc thay thế trong điều trị. Trong thời gian

tới, bệnh viện cần nghiên cứu đưa vào sử dụng thêm thuốc có tác dụng dược lý giãn cơ tương tự như rocuronium hoặc bổ sung thêm nhóm tiêu chuẩn kỹ thuật của hoạt chất này, tránh lệ thuộc vào một hoạt chất duy nhất.

Nhóm thuốc gây tê, gây mê, thuốc giãn cơ, giải giãn cơ sử dụng nhiều nhất tại bệnh viện đều được mua qua đấu thầu tại bệnh viện. Thuốc chống nhiễm khuẩn hạng A được mua 100% thông qua đấu thầu tập trung các cấp, thầu đàm phán giá do Hội đồng Thuốc & Điều trị đã định hướng xây dựng danh mục các thuốc chống nhiễm khuẩn sử dụng tại bệnh viện nằm trong danh mục thuốc đấu thầu tập trung nhằm giảm thiểu chi phí điều trị cho người bệnh cũng như đảm bảo thực hiện tối thiểu 80% số lượng đăng ký tham dự đấu thầu tập trung. Định hướng và kết quả sử dụng thuốc năm 2023 tại bệnh viện phù hợp với ý kiến của bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội gửi các cơ sở y tế "Trong quá trình sử dụng thuốc ưu tiên sử dụng thuốc theo kết quả đàm phán giá, đấu thầu tập trung cấp quốc gia và cấp địa phương"⁹.

Bệnh viện đã thực hiện tốt công tác xây dựng danh mục thuốc, không có thuốc giá trị cao nhưng không thiết yếu (nhóm AN), đảm bảo cân đối giữa chi phí và nhu cầu điều trị.

V. KẾT LUẬN

Năm 2023, bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội sử dụng 100% thuốc hóa dược, sinh phẩm với 19 nhóm tác dụng điều trị. Trong đó, nhóm thuốc gây tê, gây mê, giãn cơ, giải giãn cơ có giá trị sử dụng cao nhất (46,09%), đứng thứ hai là thuốc chống nhiễm khuẩn - thuốc điều trị ký sinh trùng chiếm 28,52% giá trị sử dụng. Bệnh viện đã thực hiện tốt việc duy trì sử dụng thuốc biệt dược gốc tương đối thấp (14,80%) và sử dụng phổ biến các thuốc đơn thành phần (90,18% SKM). Tuy nhiên, thuốc sản xuất trong nước đã sử dụng còn hạn chế với 47,24% số khoản mục và giá trị sử dụng chỉ chiếm 22,18%. Đáng chú ý, các thuốc sử dụng được mua chủ yếu qua đấu thầu cấp bệnh viện (61,89%), riêng nhóm thuốc chống nhiễm khuẩn (nhóm A) được mua 100% qua đấu thầu tập trung, đàm phán

giá. Số khoản mục thuốc nhóm A, nhóm B, nhóm C lần lượt là 11,66%, 17,18% và 71,18%; nhóm thuốc tối cần V, thuốc thiết yếu E chiếm chủ đạo về giá trị sử dụng (99,95%); không có thuốc AN, BN. Bệnh viện cần tăng cường sử dụng thuốc sản xuất trong nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế (2013) *Thông tư 21/2013/TT-BYT ngày 08/08/2013 quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thuốc và điều trị trong bệnh viện*, Hà Nội.
2. Bộ Y tế (2011) *Thông tư 22/2011/TT-BYT ngày 10/6/2011 của Bộ Y tế quy định về tổ chức và hoạt động của khoa dược bệnh viện*, Hà Nội.
3. Nguyễn Thị Nhung (2021) *Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại bệnh viện nội tiết Trung ương giai đoạn 2019-2020*. Luận văn thạc sĩ dược, Đại học Dược Hà Nội.
4. Nguyễn Thị Tuyết Nhung (2019) *Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại bệnh viện Phổi Trung ương năm 2017*. Luận văn thạc sĩ dược học, Đại học Dược Hà Nội.
5. Nguyễn Huy Tuấn (2023) *Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại bệnh viện Phụ sản Trung ương năm 2021*. Luận văn dược sĩ chuyên khoa cấp 2, Đại học Dược Hà Nội.
6. Hutchings MI, Truman AW et al (2019) *Antibiotics: past, present and future*. *Curr Opin Microbiol* 51: 72-80.
7. Bảo hiểm xã hội Việt Nam (2017) *Công văn số 3968/BHXXH-DVT ngày 08/9/2017 về việc thống nhất tỷ lệ sử dụng BDG tại các cơ sở KCB, Hà Nội*.
8. Bộ Y tế (2020) *Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc đấu thầu, Danh mục thuốc đấu thầu tập trung, Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá*, Hà Nội.
9. Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội (2024) *Công văn số 4373/BHXXH-GĐBHYT1 ngày 09/9/2024 về việc tăng cường kiểm soát, mua sắm, sử dụng thuốc tại cơ sở KCB BHYT, Hà Nội*.
10. Phạm Tuấn Linh, Hoàng Anh Tuấn, Lê Thu Thủy, Nguyễn Đức Trung (2023) *Phân tích danh mục thuốc đã sử dụng tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 theo giai đoạn thực hiện thầu năm 2020*. *Tạp chí y dược học quân sự - số chuyên đề dược học năm 2023*. Tập 48, Tr. 201-215.
11. Dat VQ (2024) *Antibiotic use in public hospitals in Vietnam between 2018 and 2022: A retrospective study*. *BMJ Open* 14(8): 087322. doi: 10.1136/bmjopen-2024-087322. PMID: 39122394; PMCID: PMC11331946.